

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TĨNH
TỈNH HÀ TĨNH**

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25-11-2019

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về con chung*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TĨNH – TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lương, Ông Nguyễn Huy Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 150/2019/TLST-HNGĐ ngày 02/10/2019 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/11/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15/11/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trịnh Văn V, sinh năm 1975

Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố T, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh - Có mặt

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1983

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú cuối cùng: Tổ dân phố T, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh – Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trịnh Văn V trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị N kết hôn ngày 02 tháng 04 năm 2003, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi cưới vợ chồng về sống cùng gia đình anh V tại tổ dân phố T, phường T, thành phố H. Hai vợ chồng làm nghề lao động tự do. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tình cảm bình thường, được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi cọ, xúc phạm nhau, chị N sống thiếu trách nhiệm với gia đình. Từ khoảng tháng 8 năm 2006 chị N bỏ nhà đi. Từ đó đến nay chị N không liên lạc về với gia đình, nội ngoại, bạn bè, làng xóm không ai biết chị N đi đâu, làm gì. Anh đã về quê của chị N, hỏi thăm gia đình vợ, bạn bè, thông báo tìm kiếm trên

các phương tiện thông tin đại chúng nhưng không có kết quả. Tại Quyết định số 02/2019/QĐST-DS ngày 19/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh đã tuyên bố chị Nguyễn Thị N mất tích. Sau khi có quyết định tuyên bố mất tích của Tòa án, gia đình anh cũng không nhận được tin tức gì của chị N. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Trịnh Thị Mỹ H, sinh ngày 27/9/2003. Từ khi sinh ra đến khi chị N bỏ đi thì con sống với vợ chồng. Kể từ tháng 08/2006 đến nay con sống với anh, chị N không có trách nhiệm gì. Anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con và không yêu cầu chị N đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Trịnh Văn V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị N đã bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh tuyên bố mất tích tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 02/2019/QĐST-DS ngày 19/8/2019. Từ đó đến nay không có tin tức gì. Tòa án đã làm các thủ tục triệu tập hợp lệ đối với chị N để giải quyết vụ án nhưng chị N vẫn vắng mặt nên không có lời khai, không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án được.

Tại Đơn trình bày nguyện vọng của con Trịnh Thị Mỹ H trình bày: Bố, mẹ ly hôn, con có nguyện vọng được sống cùng với bố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, nên Tòa án giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

+Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: cho anh Trịnh Văn V được ly hôn chị Nguyễn Thị N.

+Về con chung: Giao con chung Trịnh Thị Mỹ H sinh ngày 27/9/2003 cho anh Trịnh Văn V trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh V không yêu cầu chị Nguyễn Thị N đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trịnh Văn V khởi kiện xin ly hôn, giải quyết về nuôi con chung giữa anh với chị Nguyễn Thị N (Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú cuối cùng: Tổ dân phố T, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh). Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền

quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Nguyễn Thị N là bị đơn đã bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 02/2019/QĐST-DS ngày 19/8/2019. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhưng chị N vẫn vắng mặt trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Nguyễn Thị N.

[2] Về nội dung vụ án: Anh Trịnh Văn V và chị Nguyễn Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H nên quan hệ hôn nhân giữa anh V và chị N là hợp pháp. Qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi vợ chồng cư trú, xác minh tại nhà mẹ đẻ của chị N và lời khai của anh V thì trong quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn và chị N bỏ nhà đi từ khoảng tháng 8 năm 2006 đến nay. Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 02/2019/QĐST-DS ngày 19/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh đã tuyên bố chị Nguyễn Thị N mất tích.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống chung vợ chồng không còn tồn tại, tình trạng hôn nhân giữa anh V và chị N đã trầm trọng, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, mục đích hôn nhân là xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự giải quyết cho anh Trịnh Văn V ly hôn với chị Nguyễn Thị N theo yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Trịnh Thị Mỹ H sinh ngày 27/9/2003. Anh Trịnh Văn V đề nghị được nuôi con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu chị Nguyễn Thị N đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Con Trịnh Thị Mỹ H có nguyện vọng được ở với bố. Xét thấy, hiện nay cháu đang sống cùng bố, chị Nguyễn Thị N đã bỏ nhà đi từ khoảng tháng 8 năm 2006 đến nay không có tin tức gì nên giao con chung cho anh Trịnh Văn V nuôi dưỡng nhằm đảm bảo cuộc sống ổn định cho con là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh V không yêu cầu chị N đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

Về tài sản chung: Anh Trịnh Văn V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp các quy định pháp luật.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1 khoản 1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14: Nguyên đơn anh Trịnh Văn V phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 139, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1 khoản 1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; xử:

1. Xét xử vắng mặt đối với bị đơn chị Nguyễn Thị N.

2. Về quan hệ hôn nhân: cho anh Trịnh Văn V được ly hôn chị Nguyễn Thị N. Quan hệ hôn nhân giữa anh Trịnh Văn V và chị Nguyễn Thị N chấm dứt khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về con chung: Giao con chung Trịnh Thị Mỹ H, sinh ngày 27/9/2003 cho anh Trịnh Văn V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị N không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung: Anh Trịnh Văn V không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

5. Về án phí: Buộc anh Trịnh Văn V phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0001299 ngày 02 tháng 10 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSNDTPHT;
- TAND Tỉnh HT;
- T.H.A.D.S TPHT;
- Các đương sự;
- UBND phường T,
- Thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu: HS - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Trần Quốc Dũng

